

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 06)
Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Văn bản số 7402/UBND-KT ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc hỗ trợ kinh phí mai táng, cải táng ra khỏi phạm vi quy hoạch xây dựng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị du lịch sinh thái Diêm Vân.

Theo Văn bản số 289/UBND-ĐC ngày 08/7/2021 của UBND xã Phước Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm xây dựng nhà và số nhân khẩu của các hộ có đất bị thu hồi do ảnh hưởng bởi công tác giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo Văn bản số 150/UBND-ĐC ngày 18/8/2023 của UBND xã Phước Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất để thực hiện Bồi thường, GPMB, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo Thông báo số 119/TB - STC ngày 30/6/2023 của Sở Tài chính Bình Định về thông báo Giá gạo quý III năm 2023.

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 22/TTr-HĐBTGPMB ngày 06/7/2023 (kèm theo Phương án Bồi thường hỗ trợ chi tiết Đợt 6).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 06) để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): **44.396.582.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 43.526.061.000 đồng;

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 870.521.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư để chi trả.

3. Nội dung chi tiết: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 06) kèm theo Tờ trình số 22/TTr-HĐBTGPMB ngày 06/7/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- Lưu: VT, K10, K16.

llh



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 06)
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIÊM VÂN XÃ PHƯỚC THUẬN HUYỆN TUY PHƯỚC
Địa điểm xây dựng: xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
1	Phạm Thị Lệ; Chồng: Tạ Duy Linh	532.400.000		475.496.000	17.084.000	630.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.054.610.000	
2	Nguyễn Thị Hiệu	1.000.000.000		349.559.000	13.109.000	4.136.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.395.804.000	
3	Huỳnh Biện; Vợ: Phan Thị Vinh	1.100.400.000		278.822.000	14.312.000	3.425.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.425.959.000	
4	Trần Lộc; Vợ: Huỳnh Thị Hằng	438.000.000		333.176.000	17.330.000	189.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	817.695.000	
5	Trần Văn Lự; Vợ: Nguyễn Thị Cấp	671.600.000		289.893.000	42.353.000	1.388.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.034.234.000	
6	Trần Công Đoàn; (Nhận cho tặng từ ông Trần Văn Lự và bà Nguyễn Thị Cấp)	357.200.000												357.200.000	
7	Nguyễn Văn Thân (chết); Vợ: Nguyễn Thị Lương	1.069.860.000		319.548.000	20.641.000	2.668.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.441.717.000	
8	Nguyễn Thị Tân	739.330.000		195.719.000	41.283.000	854.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.006.186.000	
9	Hồ Đức Phục; Vợ: Nguyễn Thị Tuyết Liên	269.880.000		210.774.000	6.240.000	795.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	516.689.000	
10	Nguyễn Văn Hải; Vợ: Phạm Thị Hạnh	466.990.000		395.032.000	30.403.000	3.935.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	925.360.000	
11	Phạm Cảnh Hý; Vợ: Võ Thị Hoa	969.940.000		566.304.000	46.545.000	631.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.612.420.000	
12	Huỳnh Công (chết); Con dâu: Võ Thị Hà (kê khai)	865.200.000		289.624.000	20.606.000	483.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.204.913.000	
13	Nguyễn Chang (chết); Vợ: Trần Thị Meo	538.400.000		436.587.000	26.246.000	3.017.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.033.250.000	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
14	Phan Châu Hiền; Vợ: Nguyễn Thị Huệ	567.200.000		392.899.000	33.298.000	4.073.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.026.470.000	
15	Phan Thanh Liêm (chết); Con: Phan Đình Phùng; Vợ: Nguyễn Thị Thu Sương	1.116.400.000		1.191.857.000	57.066.000	15.433.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.409.756.000	
16	Phan Văn Tới (chết); Vợ: Nguyễn Thị Cúc Hoa	784.000.000		746.822.000	73.315.000	3.747.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.636.884.000	
17	Nguyễn Thành Hiếu; Vợ: Quảng Thị Liễu	782.000.000		681.553.000	49.642.000	2.299.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.544.494.000	
18	Lê Văn Xong (chết); Vợ: Nguyễn Thị Thích	822.400.000		658.324.000	38.672.000	3.299.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.551.695.000	
19	Trần Thị Mai	938.800.000		163.799.000	2.059.000	2.817.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.136.475.000	
20	Dương Thanh Long; Vợ: Lê Thị Mai	904.000.000		395.564.000	17.784.000	4.123.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.350.471.000	
21	Võ Ngọc Thanh (chết); Vợ: Dương Thị Thứ	824.000.000		394.078.000	35.843.000	14.499.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.297.420.000	
22	Nguyễn Văn Cường; Vợ: Trần Thị Minh Thu	566.280.000		404.572.000	38.166.000	2.261.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.040.279.000	
23	Võ Hữu Sáu; Vợ: Phạm Thị Gái	818.705.000		476.788.000	38.329.000	956.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.363.778.000	
24	Võ Hữu Lộc; Vợ: Huỳnh Thị Hiệp	654.451.000		682.410.000	35.201.000	2.895.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.403.957.000	
25	Lê Văn Thanh; Vợ: Nguyễn Thị Sung	707.353.000		448.204.000	24.805.000	336.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.209.698.000	
26	Phan Văn Mai; Vợ: Phan Thị Dương	897.873.000		585.007.000	24.798.000	1.674.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.538.352.000	
27	Nguyễn Đình Chín; Vợ: Trần Thị Cúc	718.550.000		681.967.000	17.294.000	2.555.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.449.366.000	
28	Trương Văn Ân; Vợ: Nguyễn Thị Hoa	481.338.000		457.328.000	26.235.000	630.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	994.531.000	
29	Dương Xuân Diệu; Vợ: Phan Thị Nhung	691.215.000		397.131.000	26.318.000	1.618.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.145.282.000	
30	Dương Xuân Lặng; Vợ: Võ Thị Tiếng	760.378.000		437.374.000	19.894.000	3.316.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.249.962.000	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
31	Dương Văn Chôn; Vợ: Phan Thị Lượm	1.045.050.000	1.096.000	603.136.000	27.918.000	9.324.000		3.000.000	3.289.000		12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.718.813.000	
32	Võ Văn Ân; Vợ: Nguyễn Thị Quý Thu	685.316.000		403.041.000	25.588.000	520.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.143.465.000	
33	Trần Văn Thọ; Vợ: Phạm Thị Bảy	716.451.000		362.553.000	26.725.000	6.783.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.141.512.000	
34	Trần Thị Dư; Con: Dương Anh Tiến	447.300.000		122.910.000	5.569.000	2.332.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	607.111.000	
35	Trần Văn Nhị; Vợ: Võ Thị Đẹp	1.025.250.000	9.614.000	330.804.000	34.404.000	13.380.000		3.000.000	28.841.000		12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.471.293.000	
36	Huỳnh Văn Hợp									12.960.000				12.960.000	
37	Lê Văn Xong (chết); Vợ: Nguyễn Thị Thích									17.280.000				17.280.000	
38	Nguyễn Thị Hiệu									17.280.000				17.280.000	
39	Nguyễn Văn Thông									17.280.000				17.280.000	
40	Phan Châu Hiền									17.280.000				17.280.000	
41	Phan Kim Ba (chết); Con: Phan Văn Châu (kê khai)									4.320.000				4.320.000	
42	Trần Thị Dư									21.600.000				21.600.000	
43	Trần Thị Em									25.920.000				25.920.000	
44	Đặng Xuân Đôn (chết); Con: Đặng Xuân Đôn (kê khai)									21.600.000				21.600.000	
45	Nguyễn Văn Sáu									4.320.000				4.320.000	
46	Nguyễn Miên						1.920.000							1.920.000	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
47	Nguyễn Xuân Kiêm						1.920.000							1.920.000	
48	Phan Văn Giáo						4.800.000							4.800.000	
49	Phan Châu Thành (ông nội: Phan Hoàng Nghĩa)						6.560.000							6.560.000	
50	Nguyễn Đình Minh (chết); Vợ: Trần Thị Dương						13.120.000							13.120.000	
51	Mai Xuân Định						5.600.000							5.600.000	
52	Mai Xuân Nam						5.600.000							5.600.000	
53	Nguyễn Thị Mạnh (chết); Con dâu: Võ Thị Hà						11.200.000							11.200.000	
54	Nguyễn Anh Dũng						5.600.000							5.600.000	
55	Dương Văn Tường						16.800.000							16.800.000	
56	Lê Văn Thìn						5.600.000							5.600.000	
57	Trần Văn An						11.200.000							11.200.000	
58	Trương Thị Bích Liên						5.600.000							5.600.000	
59	Trần Văn Ẻn						5.600.000							5.600.000	
60	Dương Thị Thứ						4.000.000							4.000.000	
61	Nguyễn Thị Hoa						4.000.000							4.000.000	
TỔNG CỘNG		25.973.510.000	10.710.000	15.158.655.000	975.075.000	121.021.000	109.120.000	102.000.000	32.130.000	159.840.000	408.000.000	306.000.000	170.000.000	43.526.061.000	
A	TỔNG GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:													43.526.061.000	
B	CHI PHÍ GPMB (2% A):													870.521.000	
C	TỔNG CỘNG (A+B):													44.396.582.000	

PHỤ LỤC 02**DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT (ĐỢT 06)****Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước****Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định****(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)**

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
1	Phạm Thị Lệ; Chồng: Tạ Duy Linh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.054.610.000
2	Nguyễn Thị Hiệu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.395.804.000
3	Huỳnh Biện; Vợ: Phan Thị Vinh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.425.959.000
4	Trần Lộc; Vợ: Huỳnh Thị Hàng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	817.695.000
5	Trần Văn Lược; Vợ: Nguyễn Thị Cấp	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.034.234.000
6	Trần Công Đoàn; (Nhận cho tặng từ ông Trần Văn Lược và bà Nguyễn Thị Cấp)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	357.200.000
7	Nguyễn Văn Thân (chết); Vợ: Nguyễn Thị Lượng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.441.717.000
8	Nguyễn Thị Tân	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.006.186.000
9	Hồ Đức Phục; Vợ: Nguyễn Thị Tuyết Lên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	516.689.000
10	Nguyễn Văn Hải; Vợ: Phạm Thị Hạnh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	925.360.000
11	Phạm Cảnh Hỷ; Vợ: Võ Thị Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.612.420.000
12	Huỳnh Công (chết); Con dâu: Võ Thị Hà (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.204.913.000
13	Nguyễn Chang (chết); Vợ: Trần Thị Mẹo	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.033.250.000
14	Phan Châu Hiền; Vợ: Nguyễn Thị Huệ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.026.470.000
15	Phan Thanh Liêm (chết); Con: Phan Đình Phùng; Vợ: Nguyễn Thị Thu Sương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.409.756.000
16	Phan Văn Tới (chết); Vợ: Nguyễn Thị Cúc Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.636.884.000
17	Nguyễn Thành Hiều; Vợ: Quảng Thị Liễu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.544.494.000
18	Lê Văn Xong (chết); Vợ: Nguyễn Thị Thích	Phường Thị Nại - TP Quy Nhơn	1.551.695.000
19	Trần Thị Mai	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.136.475.000

20	Dương Thanh Long; Vợ: Lê Thị Mai	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.350.471.000
21	Võ Ngọc Thanh (chết); Vợ: Dương Thị Thứ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.297.420.000
22	Nguyễn Văn Cường; Vợ: Trần Thị Minh Thu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.040.279.000
23	Võ Hữu Sáu; Vợ: Phạm Thị Gái	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.363.778.000
24	Võ Hữu Lộc; Vợ: Huỳnh Thị Hiệp	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.403.957.000
25	Lê Văn Thanh; Vợ: Nguyễn Thị Sung	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.209.698.000
26	Phan Văn Mai; Vợ: Phan Thị Dưỡng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.538.352.000
27	Nguyễn Đình Chín; Vợ: Trần Thị Cúc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.449.366.000
28	Trương Văn Ân; Vợ: Nguyễn Thị Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	994.531.000
29	Dương Xuân Diệu; Vợ: Phan Thị Nhung	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.145.282.000
30	Dương Xuân Lặng; Vợ: Võ Thị Tiếng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.249.962.000
31	Dương Văn Chón; Vợ: Phan Thị Lượm	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.718.813.000
32	Võ Văn Ân; Vợ: Nguyễn Thị Quý Thu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.143.465.000
33	Trần Văn Thọ; Vợ: Phạm Thị Bảy	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.141.512.000
34	Trần Thị Dư; Con: Dương Anh Tiến	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	607.111.000
35	Trần Văn Nhị; Vợ: Võ Thị Đẹp	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.471.293.000
36	Huỳnh Văn Hợp	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.960.000
37	Lê Văn Xong (chết); Vợ: Nguyễn Thị Thích	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	17.280.000
38	Nguyễn Thị Hiệu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	17.280.000
39	Nguyễn Văn Thông	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	17.280.000
40	Phan Châu Hiền	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	17.280.000
41	Phan Kim Bá (chết); Con: Phan Văn Châu (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.320.000
42	Trần Thị Dư	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.600.000
43	Trần Thị Em	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	25.920.000
44	Đặng Xuân Đôn (chết); Con: Đặng Xuân Đôn (kê khai)	Phường Thị Nại - TP Quy Nhơn	21.600.000
45	Nguyễn Văn Sáu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.320.000

46	Nguyễn Miên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.920.000
47	Nguyễn Xuân Kiềm	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.920.000
48	Phan Văn Giáo	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.800.000
49	Phan Châu Thành (ông nội: Phan Hoàng Nghĩa)	Phường Đống Đa - TP Quy Nhơn	6.560.000
50	Nguyễn Đình Minh (chết); Vợ: Trần Thị Dương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	13.120.000
51	Mai Xuân Định	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.600.000
52	Mai Xuân Nam	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.600.000
53	Nguyễn Thị Mạnh (chết); Con dâu: Võ Thị Hà	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.200.000
54	Nguyễn Anh Dũng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.600.000
55	Dương Văn Tường	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.800.000
56	Lê Văn Thìn	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.600.000
57	Trần Văn An	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.200.000
58	Trương Thị Bích Liên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.600.000
59	Trần Văn Én	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.600.000
60	Dương Thị Thứ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.000.000
61	Nguyễn Thị Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.000.000
TỔNG CỘNG			43.526.061.000